

**BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ TƯ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 22 /BTP-HĐKT
V/v thông báo kết quả Đợt 2 kỳ kiểm tra
KQTSHNCC lần thứ tư

Hà Nội, ngày 01 Tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thí sinh
tham dự Đợt 2 kỳ kiểm tra

Thực hiện Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng và Quyết định số 478/QĐ-BTP ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư, Đợt 2 của kỳ kiểm tra (khu vực thi phía Bắc) đã được tổ chức tại thành phố Hà Nội. Căn cứ kết quả chấm điểm bài kiểm tra viết và kiểm tra vấn đáp, Hội đồng kiểm tra xin thông báo như sau:

1. Điểm bài kiểm tra viết, bài kiểm tra vấn đáp và kết quả của Đợt 2 kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư được gửi kèm theo Công văn này, đồng thời được đăng tải trên Cổng thông tin Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn) và Trang thông tin Bỏ trợ tư pháp thuộc Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn/bttp).

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo kết quả của kỳ kiểm tra cho những người đã tham dự kỳ kiểm tra của địa phương mình. Những người đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra sẽ được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra cấp Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra; người không đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra căn cứ vào quy định tại Điều 16 của Thông tư số 04/2015/TT-BTP để quyết định việc đăng ký tham dự kỳ kiểm tra tiếp theo.

2. Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư số 04/2015/TT-BTP, thí sinh không đồng ý với kết quả kiểm tra của mình có quyền đề nghị phúc tra đối với bài kiểm tra viết. Đơn đề nghị phúc tra gửi theo đường bưu điện về Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp số 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội (tính theo dấu bưu điện nơi gửi đi) chậm nhất là ngày 24/01/2023.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Chí Hiếu (để b/c);
- Các thành viên HĐKT (để biết);
- Hiệp hội công chứng viên Việt Nam;
- Cổng Thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, BTPP.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**CỤC TRƯỞNG CỤC BỎ TRỢ TƯ PHÁP
Lê Xuân Hồng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐIỂM KIỂM TRA ĐỢT 2 (KHU VỰC THI PHÍA BẮC)
KỲ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ TƯ**

*(Kèm theo Công văn số 22/BTP-HĐKT ngày 01 tháng 01 năm 2023
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ tư)*

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
1.	Nguyễn Tiến	An	08/3/1991		Hà Nội	001-TSCC	26,75	44	Không đạt	
2.	Đào Thúy	An		25/01/1990	Hà Nội	002-TSCC	38,25	57	Không đạt	
3.	Nguyễn Thị	Anh		15/01/1993	Điện Biên	003-TSCC	51	35	Không đạt	
4.	Bùi Thị Kim	Anh		26/12/1990	Hà Nội	004-TSCC	43,75	20,5	Không đạt	
5.	Trần Hoàng	Anh	11/8/1982		Hà Nội	005-TSCC	62,5	63,5	Đạt	
6.	Nguyễn Phương	Anh		01/5/1994	Hà Nội	006-TSCC	41	52	Không đạt	
7.	Dương Thế	Anh	16/3/1977		Hà Nội	007-TSCC				Bỏ thi
8.	Ngô Phương	Anh		12/10/1992	Hà Nội	008-TSCC	34	42	Không đạt	
9.	Lê Ngọc	Anh		26/8/1991	Hà Nội	009-TSCC	52,5	53,5	Đạt	
10.	Bùi Phương	Anh		16/01/1995	Hà Nội	010-TSCC	52	27,5	Không đạt	
11.	Lê Thế	Anh	12/8/1991		Hà Nội	011-TSCC	31,25	60,5	Không đạt	
12.	Từ Thị Quỳnh	Anh		24/01/1979	Hà Nội	012-TSCC	50	50	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
13.	Đoàn Thị	Anh		12/7/1988	Hà Nội	013-TSCC	60	34,5	Không đạt	
14.	Lương Thị Trung	Anh		09/11/1994	Hà Nội	014-TSCC	61	45	Không đạt	
15.	Lưu Thị	Anh		13/10/1994	Hải Dương	015-TSCC	41,5	54,5	Không đạt	
16.	Trần Tuấn	Anh	29/01/1974		Hưng Yên	016-TSCC	50	50	Đạt	
17.	Võ Tuấn	Anh	06/11/1991		Nghệ An	017-TSCC	41,5	42,5	Không đạt	
18.	Võ Thị Hương	Anh		17/8/1992	Nghệ An	018-TSCC	51	53	Đạt	
19.	Trần Đức	Anh	20/4/1978		TT.Huế	019-TSCC	51,5	53	Đạt	
20.	Phạm Tuấn	Anh	19/4/1987		Vĩnh Phúc	020-TSCC				Hoãn thi
21.	Tô Ngọc	Ánh		31/12/1988	Hà Nội	021-TSCC	36	40	Không đạt	
22.	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		04/10/1990	Hà Nội	022-TSCC	55	70,5	Đạt	
23.	Dương Thị Nguyệt	Ánh		06/10/1986	Hà Nội	023-TSCC	69,5	60,5	Đạt	
24.	Trần Thị Ngọc	Ánh		04/7/1988	Quảng Ninh	024-TSCC	51,5	54,5	Đạt	
25.	Mã Đình	Bà	01/11/1993		Yên Bái	025-TSCC	42,5	55	Không đạt	
26.	Trần Văn	Bằng	24/3/1983		Hà Nam	026-TSCC	35	54	Không đạt	
27.	Đào Thị	Bích		15/10/1989	Hà Nội	027-TSCC	32	56,5	Không đạt	
28.	Ngô Thị Ngọc	Bích		18/10/1964	Hà Nội	028-TSCC	51	41	Không đạt	
29.	Nguyễn Văn	Bình	12/9/1955		Hà Nội	029-TSCC	51	23,5	Không đạt	
30.	Trương Thị	Bình		11/01/1966	Hà Nội	030-TSCC	21	40	Không đạt	
31.	Trần Thanh	Bình	24/4/1973		Hà Nội	031-TSCC	34	52,5	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
32.	Tô Thị	Bình		26/7/1977	Hà Nội	032-TSCC				Hoãn thi
33.	Đặng Quốc	Bình	16/11/1978		Nam Định	033-TSCC	59	50	Đạt	
34.	Đoàn Thị	Bình		16/01/1962	Quảng Bình	034-TSCC	51	51,5	Đạt	
35.	Phạm Thị Thanh	Bình		01/6/1963	Thái Bình	035-TSCC	31,5	30,5	Không đạt	
36.	Vũ Quang	Bình	01/7/1993		Tuyên Quang	036-TSCC	28	20	Không đạt	
37.	Bùi Xuân	Bính	11/9/1976		Hà Nội	037-TSCC	26,5	52	Không đạt	
38.	Nguyễn Văn	Cảnh	09/6/1976		Hà Nội	038-TSCC	50	52	Đạt	
39.	Nguyễn Quốc	Cảnh	07/01/1959		Hải Dương	039-TSCC	39	55	Không đạt	
40.	Lê Xuân	Cần	23/3/1991		Hà Nội	040-TSCC	55	71	Đạt	
41.	Phạm Đình	Cận	29/01/1973		Bắc Ninh	041-TSCC	29,5	36	Không đạt	
42.	Chu Thị	Cúc		28/02/1984	Hà Nam	042-TSCC	32	60	Không đạt	
43.	Nguyễn Thị Kim	Cúc		05/5/1960	Hà Nội	043-TSCC	31	50	Không đạt	
44.	Phạm Thị Thu	Cúc		13/3/1995	Hải Dương	044-TSCC	34	66	Không đạt	
45.	Phạm Thị Thu	Cúc		20/9/1963	Thái Bình	045-TSCC	35	39	Không đạt	
46.	Phạm Tiến	Cườm	10/02/1981		Hải Phòng	046-TSCC	17	50	Không đạt	
47.	Hoàng Thị	Cương		02/6/1993	Tuyên Quang	047-TSCC	50,75	45	Không đạt	
48.	Đỗ Hoàng	Cường	16/11/1986		Hà Nội	048-TSCC	39	67	Không đạt	
49.	Nguyễn Nghĩa	Cường	22/4/1975		Hà Nội	049-TSCC	52,5	55	Đạt	
50.	Phạm Cao	Cường	26/12/1986		Hà Tĩnh	050-TSCC	64,5	61	Đạt	



STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
51.	Trần Nguyên	Cường	10/01/1980		Phú Thọ	051-TSCC	40	40	Không đạt	
52.	Nguyễn Cao	Cường	05/3/1979		Yên Bái	052-TSCC	40,5	50,5	Không đạt	
53.	Nguyễn Thị Minh	Châu		27/5/1978	Hà Nội	053-TSCC	44	58,5	Không đạt	
54.	Trịnh Thị	Châu		13/10/1987	Nghệ An	054-TSCC				Hoãn thi
55.	Trần Đình	Chế	21/3/1958		Thanh Hóa	055-TSCC	31,5	31,5	Không đạt	
56.	Phạm Minh	Chi		29/3/1990	Hà Nội	056-TSCC	63	53	Đạt	
57.	Lê Thị Lệ	Chi		07/8/1966	Hà Nội	057-TSCC	50,5	50,5	Đạt	
58.	Nguyễn Thị Hương	Chi		08/01/1989	Hải Phòng	058-TSCC	54	52	Đạt	
59.	Phan Mai	Chi		06/02/1987	Nghệ An	059-TSCC	57	45,5	Không đạt	
60.	Trần Thị	Chiên		04/01/1989	Hà Nội	060-TSCC	64,5	50	Đạt	
61.	Đình Anh	Chiến	14/8/1979		Hà Nội	061-TSCC	37,75	40	Không đạt	
62.	Hoảng Thị	Chinh		17/01/1980	Thanh Hóa	062-TSCC	35,5	65,5	Không đạt	
63.	Nguyễn Thị	Chúc		02/02/1995	Hà Nội	063-TSCC	43,5	63,5	Không đạt	
64.	Vũ Thị	Chung		10/3/1960	Hà Nội	064-TSCC				Bỏ thi
65.	Trịnh Khắc	Chung	05/11/1975		Hải Phòng	065-TSCC				Bỏ thi
66.	Trương Nữ Trần	Chung		06/3/1985	Phú Yên	066-TSCC				Bỏ thi
67.	Trịnh Xuân	Chuyên	08/02/1955		Hà Nội	067-TSCC	28	50,5	Không đạt	
68.	Ninh Văn	Chuyên	12/4/1984		Hải Phòng	068-TSCC				Bỏ thi
69.	Nguyễn Thị	Dân		01/3/1964	Phú Thọ	069-TSCC	22	42	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
70.	Nông Thị	Dần		14/12/1961	Hà Giang	070-TSCC	35,5	51,5	Không đạt	
71.	Nguyễn Thị	Diệp		18/5/1994	Thanh Hóa	071-TSCC	54	75,5	Đạt	
72.	Hoàng Mai	Dung		22/01/1993	Hà Nội	072-TSCC	54	86	Đạt	
73.	Lưu Thị Thùy	Dung		20/8/1980	Hà Nội	073-TSCC	35	51,5	Không đạt	
74.	Vũ Thị	Dung		20/7/1988	Hà Nội	074-TSCC	57	72	Đạt	
75.	Nguyễn Thị Lê	Dung		05/10/1987	Hà Nội	075-TSCC	53	72,5	Đạt	
76.	Lưu Thị Ngọc	Dung		04/6/1983	Hải Phòng	076-TSCC	40,5	58,5	Không đạt	
77.	Nguyễn Thị Kim	Dung		22/11/1963	Nam Định	077-TSCC	37,5	40	Không đạt	
78.	Hoàng Thị Thùy	Dung		23/5/1993	Quảng Trị	078-TSCC	31	53	Không đạt	
79.	Phạm Thị Thùy	Dung		26/10/1988	Thái Nguyên	079-TSCC	56	58,5	Đạt	
80.	Hồ Thị Thùy	Dung		22/11/1991	Thanh Hóa	080-TSCC	53,5	63,5	Đạt	
81.	Nguyễn Quốc	Dũng	22/10/1987		Bắc Ninh	081-TSCC	53	51,5	Đạt	
82.	Lê Văn	Dũng	11/01/1992		Hà Nội	082-TSCC	55,25	59	Đạt	
83.	Hoàng Duy	Dũng	16/10/1983		Hà Nội	083-TSCC	54	57,5	Đạt	
84.	Nguyễn Anh	Dũng	24/02/1989		Hà Nội	084-TSCC	51	56,5	Đạt	
85.	Nguyễn Văn	Dũng	28/02/1992		Hà Nội	085-TSCC	52	62,5	Đạt	
86.	Lê Việt	Dũng	10/5/1982		Hà Tĩnh	086-TSCC	39,5	28,5	Không đạt	
87.	Lương Cao	Dũng	19/7/1990		Quảng Ninh	087-TSCC	65	52,5	Đạt	
88.	Nguyễn Bá	Dũng	07/9/1991		Thanh Hóa	088-TSCC	42	54	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
89.	Nguyễn Đắc	Dũng	03/12/1958		Vĩnh Phúc	089-TSCC				Bỏ thi
90.	Dương Khánh	Duy	08/3/1985		Bắc Kạn	090-TSCC	33	57,5	Không đạt	
91.	Nguyễn Quang	Duy	08/4/1982		Hải Phòng	091-TSCC	27	33,5	Không đạt	
92.	Nguyễn Thị	Duyên		03/11/1993	Hà Nội	092-TSCC	66,5	66	Đạt	
93.	Trần Thị	Duyên		08/12/1985	Hải Dương	093-TSCC	53,5	50	Đạt	
94.	Ngô Thị Thùy	Dương		12/7/1996	Hà Nam	094-TSCC	54,5	50,5	Đạt	
95.	Phạm Xuân	Dương	12/9/1975		Hà Nội	095-TSCC				Bỏ thi
96.	Tiêu Hà	Dương	23/10/1959		Hải Dương	096-TSCC	32,5	50	Không đạt	
97.	Hoàng Trung	Dương	10/7/1967		Hải Phòng	097-TSCC	41	50	Không đạt	
98.	Hoàng Ngọc	Dương	25/11/1986		Hưng Yên	098-TSCC	50,5	41	Không đạt	
99.	Lê Long	Dương	03/7/1988		Quảng Ninh	099-TSCC	31	50	Không đạt	
100.	Trần Xuân	Dương	17/8/1988		Vĩnh Phúc	100-TSCC	37	43	Không đạt	
101.	Lương Văn	Dy	06/11/1962		Tp. HCM	101-TSCC	36	35	Không đạt	
102.	Nguyễn Anh	Đào		28/02/1977	Hà Nội	102-TSCC	55,75	40,5	Không đạt	
103.	Lê Thị	Đào		28/10/1963	Hòa Bình	103-TSCC				Hoãn thi
104.	Nguyễn Thị	Đào		25/02/1964	Nam Định	104-TSCC				Bỏ thi
105.	Đoàn Văn	Đào	29/5/1959		Thái Nguyên	105-TSCC	44,5	28	Không đạt	
106.	Nguyễn Xuân	Đạt	03/7/1988		Hà Nội	106-TSCC	13,5	50	Không đạt	
107.	Nguyễn Hải	Đặng	01/3/1970		Hà Nội	107-TSCC	50,5	50	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
108.	Phạm Kim	Đặng	13/10/1995		Quảng Ninh	108-TSCC	64,5	68	Đạt	
109.	Vũ Thị Hồng	Điệp		22/7/1990	Hà Nội	109-TSCC	57,5	51	Đạt	
110.	Trần Hoàng	Điệp		11/4/1988	Hà Nội	110-TSCC	34	52	Không đạt	
111.	Triệu Quang	Đính	25/11/1961		Nam Định	111-TSCC				Bỏ thi
112.	Hà Anh	Đức	02/12/1981		Hà Nội	112-TSCC	33	50	Không đạt	
113.	Nguyễn Hữu	Đức	02/01/1991		Hà Nội	113-TSCC	43	54	Không đạt	
114.	Phạm Hồng	Giang	11/4/1973		Hà Nội	114-TSCC	38,5	40	Không đạt	
115.	Phạm Văn	Giang	23/8/1987		Hà Tĩnh	115-TSCC	34,5	53	Không đạt	
116.	Tăng Bá	Giang	20/02/1982		Hải Phòng	116-TSCC	35,5	40	Không đạt	
117.	Ngô Thị Quỳnh	Giao		13/10/1982	TT.Huế	117-TSCC	54	55	Đạt	
118.	Nguyễn Hữu	Hà	28/3/1993		Bắc Ninh	118-TSCC	50	50,5	Đạt	
119.	Quách Mạnh	Hà	24/6/1991		Hà Nội	119-TSCC	43,5	45	Không đạt	
120.	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		11/10/1986	Hà Nội	120-TSCC	50,5	41,5	Không đạt	
121.	Nguyễn Việt	Hà	04/7/1975		Hà Nội	121-TSCC	50,5	42	Không đạt	
122.	Ngô Thị Ngọc	Hà		22/4/1982	Lạng Sơn	122-TSCC	56	37	Không đạt	
123.	Đoàn Ngọc	Hà	23/6/1956		Nam Định	123-TSCC	14	55	Không đạt	
124.	Nguyễn Thanh	Hà		14/7/1993	Nam Định	124-TSCC	59,5	53,5	Đạt	
125.	Phan Thị Thu	Hà		29/4/1973	Đắk Nông	125-TSCC	53	50	Đạt	
126.	Nhiếp Thị	Hải		02/5/1991	Hà Nam	126-TSCC	53	34	Không đạt	



STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
127.	Nguyễn Sơn	Hải	18/4/1977		Hà Nội	127-TSCC	35,75	51	Không đạt	
128.	Nguyễn Anh	Hải	01/02/1990		Hà Nội	128-TSCC	39,75	60	Không đạt	
129.	Trần Đăng	Hải	08/02/1958		Hà Nội	129-TSCC				Hoãn thi
130.	Phan Tiến	Hải	12/11/1962		Lào Cai	130-TSCC	50,5	50,5	Đạt	
131.	Trần Thị	Hải		18/10/1962	Quảng Ninh	131-TSCC	24	51	Không đạt	
132.	Nguyễn Duy	Hải	01/11/1984		Quảng Trị	132-TSCC	4,0	Bỏ thi	Không đạt	
133.	Đỗ Văn	Hán	30/8/1959		Thanh Hóa	133-TSCC	5,5	38,5	Không đạt	
134.	Nguyễn Thị Bích	Hạnh		20/10/1978	Bắc Ninh	134-TSCC	23,5	38,5	Không đạt	
135.	Hoàng Thị Hồng	Hạnh		16/10/1984	Hà Nội	135-TSCC	51,25	58	Đạt	
136.	Vũ Huy	Hạnh	14/8/1982		Hải Phòng	136-TSCC	34,5	52,5	Không đạt	
137.	Phan Đức	Hạnh	19/4/1988		Quảng Bình	137-TSCC	53,5	41,5	Không đạt	
138.	Trần Thị Mỹ	Hạnh		04/6/1994	Quảng Trị	138-TSCC	53	51	Đạt	
139.	Nguyễn Thị	Hào		28/10/1988	Ninh Bình	139-TSCC	60	57	Đạt	
140.	Hồ Sỹ	Hào	27/8/1981		Quảng Trị	140-TSCC	50	52,5	Đạt	
141.	Trần Thị	Hằng		09/9/1989	Hà Nội	141-TSCC	30,5	42,5	Không đạt	
142.	Đỗ Diệu	Hằng		23/12/1988	Hà Nội	142-TSCC	31	60	Không đạt	
143.	Phạm Thu	Hằng		29/8/1973	Hà Nội	143-TSCC				Bỏ thi
144.	Nguyễn Phương	Thị Hằng		28/02/1995	Hà Nội	144-TSCC	52,25	53,5	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
145.	Bùi Thị	Hằng		19/9/1992	Hà Nội	145-TSCC	31	40,5	Không đạt	
146.	Vũ Thị Như	Hằng		24/7/1990	Quảng Ninh	146-TSCC	42,5	28	Không đạt	
147.	Nguyễn Thị Thu	Hằng		30/10/1989	Thanh Hóa	147-TSCC	42,5	32,5	Không đạt	
148.	Ngô Thị Thúy	Hằng		20/10/1980	TT.Huế	148-TSCC	36	33	Không đạt	
149.	Nguyễn Thị	Hân		31/3/1992	Hà Nội	149-TSCC	52,5	57,5	Đạt	
150.	Phạm Thị Ngọc	Hân		10/9/1991	Hải Phòng	150-TSCC	53,5	32,5	Không đạt	
151.	Ngô Thị	Hậu		05/8/1989	Hà Nội	151-TSCC	53	63,5	Đạt	
152.	Nguyễn Thị	Hậu		27/10/1990	Nghệ An	152-TSCC	32,5	38,5	Không đạt	
153.	Phạm Đức	Hậu	15/10/1975		Vĩnh Phúc	153-TSCC	29,75	35,5	Không đạt	
154.	Phạm Thị	Hiền		28/12/1989	Điện Biên	154-TSCC	24,5	25	Không đạt	
155.	Phùng Thị Thanh	Hiền		10/12/1967	Hà Nội	155-TSCC	32	30	Không đạt	
156.	Phạm Như	Hiền		05/4/1960	Hà Nội	156-TSCC	50,5	51,5	Đạt	
157.	Vũ Thị	Hiền		01/10/1992	Hà Nội	157-TSCC	51	52,5	Đạt	
158.	Trần Thị	Hiền		30/10/1993	Hải Phòng	158-TSCC	55,25	65	Đạt	
159.	Đình Thị Thu	Hiền		02/8/1992	Ninh Bình	159-TSCC	59	55	Đạt	
160.	Trần Đình	Hiền	07/7/1988		TT.Huế	160-TSCC	41,75	50	Không đạt	
161.	Nguyễn Hữu	Hiền	26/9/1979		Lào Cai	161-TSCC				Bỏ thi
162.	Lê Ngọc	Hiệp	10/10/1960		Thanh Hóa	162-TSCC	6,25	30	Không đạt	
163.	Hà Mạnh	Hiếu	25/12/1995		Hà Nội	163-TSCC	46	55	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
164.	Trần Thị	Hiếu		09/11/1985	Hung Yên	164-TSCC	37,5	51	Không đạt	
165.	Phan Thị	Hiếu		20/10/1991	Nghệ An	165-TSCC	40	60	Không đạt	
166.	Hoàng Đình	Hiếu	07/01/1991		Thanh Hóa	166-TSCC	56	50	Đạt	
167.	Đỗ Lê Anh	Hiếu	20/12/1988		TT.Huế	167-TSCC	29,5	32,5	Không đạt	
168.	Nguyễn Thị Nguyệt	Hoa		25/6/1978	Hà Nội	168-TSCC	51	53	Đạt	
169.	Phạm Thị	Hoa		14/6/1975	Hà Nội	169-TSCC	19	36	Không đạt	
170.	Phạm Thị Thanh	Hoa		04/7/1982	Hải Phòng	170-TSCC	25	31,5	Không đạt	
171.	Lâm Hữu	Hòa	01/3/1956		Hà Nội	171-TSCC	52	56,5	Đạt	
172.	Nguyễn Văn	Hòa	30/6/1962		Hà Nội	172-TSCC	50,5	39	Không đạt	
173.	Nguyễn Thị	Hòa		27/10/1991	Hà Nội	173-TSCC	52	62,5	Đạt	
174.	Phạm Thị	Hoài		28/01/1991	TT.Huế	174-TSCC	50,75	53,5	Đạt	
175.	Đào Duy	Hoan	10/12/1960		Hà Nội	175-TSCC				Bỏ thi
176.	Trịnh Thị	Hoan		15/5/1990	Thanh Hóa	176-TSCC	42,5	65,5	Không đạt	
177.	Trần Anh	Hoàng	31/10/1994		Thanh Hóa	177-TSCC	51,5	52	Đạt	
178.	Đoàn Thị	Hồng		27/11/1982	Hà Nội	178-TSCC	23	61	Không đạt	
179.	Nguyễn Văn	Hồng	15/02/1960		Hà Nội	179-TSCC	26	31	Không đạt	
180.	Trần Thị Thu	Hồng		20/5/1993	Hà Nội	180-TSCC	61	60,5	Đạt	
181.	Nguyễn Đình	Hồng	02/9/1958		Nghệ An	181-TSCC				Hoãn thi

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
182.	Phạm Văn	Hồng	11/11/1990		Nghệ An	182-TSCC	51,5	53	Đạt	
183.	Nguyễn Đình	Hồng	08/11/1977		Nghệ An	183-TSCC	35,5	55	Không đạt	
184.	Nguyễn Văn	Hợp	02/3/1960		Hà Nội	184-TSCC	20	29	Không đạt	
185.	Bùi Thị	Huế		15/9/1993	Hà Nội	185-TSCC	50,25	54,5	Đạt	
186.	Bùi Thị	Huế		25/3/1991	Hà Nội	186-TSCC	52	50	Đạt	
187.	Hồ Thị	Huệ		14/9/1989	Hà Nội	187-TSCC	51,5	52,5	Đạt	
188.	Vương Thị Hồng	Huệ		28/6/1989	Hải Dương	188-TSCC	61	59,5	Đạt	
189.	Bùi Thế	Huệ	25/02/1960		Thanh Hóa	189-TSCC	28,75	37,5	Không đạt	
190.	Nguyễn Xuân	Hùng	27/8/1987		Hà Nội	190-TSCC	33,75	54	Không đạt	
191.	Nguyễn Đỗ	Hùng	01/11/1975		Hà Nội	191-TSCC	58,25	52,5	Đạt	
192.	Nguyễn Phi	Hùng	10/5/1964		Hà Nội	192-TSCC	43	52	Không đạt	
193.	Nguyễn Mạnh	Hùng	26/7/1975		Hà Nội	193-TSCC	50	53	Đạt	
194.	Đình Mạnh	Hùng	18/10/1962		Hòa Bình	194-TSCC	28	32,5	Không đạt	
195.	Nguyễn Ngọc	Hùng	09/02/1985		Nghệ An	195-TSCC	26	27	Không đạt	
196.	Hoàng Mạnh	Hùng	28/3/1958		Nghệ An	196-TSCC	17	37	Không đạt	
197.	Nguyễn Việt	Hùng	27/8/1982		Phú Thọ	197-TSCC	7,5	55,5	Không đạt	
198.	Đặng Văn	Hùng	08/10/1988		Thanh Hóa	198-TSCC	51,5	55	Đạt	
199.	Nguyễn Văn	Hùng	16/6/1974		Thanh Hóa	199-TSCC	36	50	Không đạt	



STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
200.	Nguyễn Văn	Hùng	02/9/1988		Thanh Hóa	200-TSCC	32	17,5	Không đạt	
201.	Nguyễn Quang	Huy	24/01/1981		Hà Nội	201-TSCC	52	35	Không đạt	
202.	Dương Quang	Huy	17/11/1984		Thái Nguyên	202-TSCC	43	57,5	Không đạt	
203.	Phạm Thị	Huyền		11/4/1974	Hà Nội	203-TSCC	50	50	Đạt	
204.	Nguyễn Văn	Huyền	08/7/1982		Hà Nội	204-TSCC	38	30	Không đạt	
205.	Trịnh Thúy	Huyền		16/5/1985	Hà Nội	205-TSCC	51,5	35	Không đạt	
206.	Nguyễn Thị Hương	Huyền		28/12/1986	Hà Nội	206-TSCC	33	35	Không đạt	
207.	Hoàng Thị Thanh	Huyền		03/12/1981	Hải Phòng	207-TSCC	24	35	Không đạt	
208.	Nguyễn Thị	Huyền		25/12/1992	Hòa Bình	208-TSCC	55	55	Đạt	
209.	Trần Thị	Huyền		22/7/1984	Hung Yên	209-TSCC	24	50	Không đạt	
210.	Nguyễn Thị	Huyền		24/3/1992	Thanh Hóa	210-TSCC	37	50	Không đạt	
211.	Nguyễn Trọng	Huỳnh	22/4/1979		TT.Huế	211-TSCC	27,5	45	Không đạt	
212.	Phạm Văn	Hưng	16/02/1976		Hà Nam	212-TSCC	51	40	Không đạt	
213.	Nguyễn Duy	Hưng	31/12/1981		Hà Nội	213-TSCC	42	21	Không đạt	
214.	Nguyễn Quang	Hưng	26/10/1977		Hà Nội	214-TSCC				Bỏ thi
215.	Trần Văn	Hưng	14/3/1985		Hà Nội	215-TSCC	59,5	61,5	Đạt	
216.	Lỗ Tiên	Hưng	01/8/1958		Hòa Bình	216-TSCC				Bỏ thi
217.	Đoàn Thanh	Hưng	19/5/1962		Lào Cai	217-TSCC	53,5	53	Đạt	
218.	Nguyễn Tiến	Hưng	13/9/1988		Phú Thọ	218-TSCC	30,5	20	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
219.	Nguyễn Thị Thanh	Hương		09/9/1976	Điện Biên	219-TSCC	15	30	Không đạt	
220.	Đỗ Thị Xuân	Hương		28/10/1981	Hà Nội	220-TSCC	27	43,5	Không đạt	
221.	Bạch Thị	Hương		07/8/1974	Hà Nội	221-TSCC	50	30	Không đạt	
222.	Nguyễn Thị Lan	Hương		04/6/1978	Hà Nội	222-TSCC	42	40	Không đạt	
223.	Hồ Xuân	Hương		26/12/1964	Hà Nội	223-TSCC	51	80	Đạt	
224.	Lê Thị Xuân	Hương		06/12/1993	Hà Nội	224-TSCC	52	60	Đạt	
225.	Bùi Thị Thanh	Hương		07/6/1987	Hải Phòng	225-TSCC	35	40	Không đạt	
226.	Nguyễn Thị Thu	Hương		24/01/1988	Hòa Bình	226-TSCC	51	50	Đạt	
227.	Nguyễn Thị	Hương		18/7/1961	Nghệ An	227-TSCC	37	42,5	Không đạt	
228.	Hà Thị Thanh	Hương		17/3/1990	Phú Thọ	228-TSCC	57,5	55	Đạt	
229.	Nguyễn Thị	Hương		24/9/1992	Thanh Hóa	229-TSCC	63	54	Đạt	
230.	Trương Thị	Hương		13/7/1992	Thanh Hóa	230-TSCC	52,5	53	Đạt	
231.	Lê Thị Thu	Hường		31/7/1987	Cao Bằng	231-TSCC	52,5	56,5	Đạt	
232.	Nguyễn Thị	Hường		03/5/1964	Hà Nội	232-TSCC	51	39	Không đạt	
233.	Nguyễn Thị	Hường		14/4/1981	Hà Nội	233-TSCC	40,5	41,5	Không đạt	
234.	Ngô Thị	Hường		10/01/1979	Hà Nội	234-TSCC	50	53	Đạt	
235.	Hoàng Thị	Hường		04/9/1988	Hà Nội	235-TSCC	25,5	37	Không đạt	
236.	Nguyễn Thị	Hường		11/6/1992	Quảng Ninh	236-TSCC	41,5	50	Không đạt	
237.	Đoàn Thị	Hường		26/11/1979	Hà Nội	237-TSCC	51,5	46,5	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
238.	Trương Công	Hữu	13/8/1992		Bắc Giang	238-TSCC	39,5	53	Không đạt	
239.	Nguyễn Việt	Hỷ	30/01/1965		Quảng Ninh	239-TSCC	29	30	Không đạt	
240.	Phạm Trung	Kết	04/10/1957		Nam Định	240-TSCC	50	34	Không đạt	
241.	Nguyễn Đức	Kiên	05/10/1976		Hà Nội	241-TSCC	31,5	51,5	Không đạt	
242.	Hoàng Văn	Kiên	01/6/1983		Sơn La	242-TSCC				Bỏ thi
243.	Nguyễn Ngọc Hồng	Kông		18/8/1987	Quảng Bình	243-TSCC	24,75	46	Không đạt	
244.	Nguyễn Bình	Khang	26/02/1959		Hà Nội	244-TSCC	33,5	31	Không đạt	
245.	Hoàng Thế	Khanh	14/01/1986		Hải Phòng	245-TSCC	53	53	Đạt	
246.	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh		02/9/1992	Hà Nội	246-TSCC	63	78	Đạt	
247.	Nguyễn Thị	Khánh		04/4/1964	Quảng Ninh	247-TSCC	29	40	Không đạt	
248.	Trịnh Tiến	Khoa	20/01/1960		Hà Giang	248-TSCC	10	50	Không đạt	
249.	Nguyễn Hữu	Khoa	10/6/1973		TP. HCM	249-TSCC	30	58,75	Không đạt	
250.	Lê Minh	Khôi	07/5/1982		Quảng Ninh	250-TSCC	34	52	Không đạt	
251.	Lưu Văn	Khuê	19/02/1971		Hà Nội	251-TSCC	39	02	Không đạt	
252.	Phạm Khắc	Khuyến	10/5/1975		Vĩnh Phúc	252-TSCC	54,5	50	Đạt	
253.	Lê Xuân	La	29/3/1959		Hải Dương	253-TSCC	39	27	Không đạt	
254.	Lưu Thị	Lan		31/01/1994	Hà Nội	254-TSCC	54	55	Đạt	
255.	Nguyễn Thị	Lan		24/8/1994	Hà Nội	255-TSCC	58,5	54,75	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
256.	Nguyễn Thị	Lan		12/3/1994	Quảng Ninh	256-TSCC	57	37	Không đạt	
257.	Lương Thị	Lanh		05/11/1964	Hà Nội	257-TSCC				Bỏ thi
258.	Nguyễn Quang	Lâm	20/9/1959		Hà Nội	258-TSCC	58	51	Đạt	
259.	Vũ Văn	Lân	08/3/1959		Bắc Giang	259-TSCC	14	07	Không đạt	
260.	Nghiêm Mạnh	Lân	24/4/1961		Hà Nội	260-TSCC	41,5	26,75	Không đạt	
261.	Quách Thị	Len		26/6/1982	Hà Nội	261-TSCC	51,5	20	Không đạt	
262.	Trần Văn	Liên	25/6/1984		Hà Nội	262-TSCC	40	60	Không đạt	
263.	Trương Phương	Liên		21/8/1976	Hà Nội	263-TSCC	50,5	53,5	Đạt	
264.	Trần Thị	Liên		02/5/1963	Lạng Sơn	264-TSCC	52	67,5	Đạt	
265.	Đỗ Thị	Liên		14/5/1990	Thanh Hóa	265-TSCC	51,5	52,5	Đạt	
266.	Quách Thùy	Linh		05/11/1994	Hà Nội	266-TSCC	50	64	Đạt	
267.	Cồ Thị Ngọc	Linh		17/4/1992	Hải Phòng	267-TSCC	50	62,5	Đạt	
268.	Nguyễn Diệu	Linh		03/10/1989	Hung Yên	268-TSCC	51	50	Đạt	
269.	Từ Công Hải	Linh	14/8/1992		Quảng Bình	269-TSCC	41	52,5	Không đạt	
270.	Võ Thị Thùy	Linh		27/5/1981	Quảng Trị	270-TSCC	50	50	Đạt	
271.	Bùi Thùy	Linh		11/10/1981	Thái Nguyên	271-TSCC	44,75	62,5	Không đạt	
272.	Vũ Mạnh	Linh	15/6/1989		Thanh Hóa	272-TSCC	51	38	Không đạt	
273.	Nguyễn Thị	Loan		19/6/1993	Bắc Ninh	273-TSCC	38,5	57,5	Không đạt	
274.	Lưu Thị Bích	Loan		27/8/1957	Hà Nội	274-TSCC	23	36	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
275.	Vũ Thị Minh	Loan		16/01/1977	Hà Nội	275-TSCC	29	39	Không đạt	
276.	Mai Thị	Loan		22/5/1990	Hải Phòng	276-TSCC	51	51	Đạt	
277.	Phan Thị Thanh	Loan		08/6/1992	Phú Thọ	277-TSCC	42,5	44	Không đạt	
278.	Trần Thị	Loan		22/11/1991	Quảng Bình	278-TSCC	42,5	60	Không đạt	
279.	Nguyễn Thị	Loan		28/12/1981	Quảng Ninh	279-TSCC	39	51	Không đạt	
280.	Nguyễn Thị	Loan		02/02/1989	TT.Huế	280-TSCC	55	76	Đạt	
281.	Phạm Nam	Long	17/7/1991		Hà Nội	281-TSCC				Bỏ thi
282.	Nguyễn Thành	Long	24/3/1988		Hà Nội	282-TSCC	39	65	Không đạt	
283.	Hoa Hữu	Long	04/10/1954		Hà Nội	283-TSCC	37	55	Không đạt	
284.	Kiều Xuân	Long	19/9/1976		Hà Nội	284-TSCC	40,25	22,5	Không đạt	
285.	Vũ Xuân	Long	24/9/1956		Hà Nội	285-TSCC				Bỏ thi
286.	Hoàng Văn	Long	28/4/1964		Sơn La	286-TSCC	43,5	17,5	Không đạt	
287.	Lê Duy	Long	10/10/1960		Thanh Hóa	287-TSCC	40	30	Không đạt	
288.	Hoàng Phi	Long	20/10/1992		TT.Huế	288-TSCC	33	72,5	Không đạt	
289.	Nguyễn Văn	Lộc	23/8/1958		Nghệ An	289-TSCC	26,5	50	Không đạt	
290.	Nguyễn Danh	Lợi	22/12/1956		Thanh Hóa	290-TSCC	38	52,5	Không đạt	
291.	Lê Thị	Lợi		05/01/1989	Hà Nội	291-TSCC	53,5	55	Đạt	
292.	Đỗ Thị	Luyến		05/3/1984	Hà Nội	292-TSCC	53	50,25	Đạt	
293.	Phạm Quang	Lực	01/10/1953		Hà Nội	293-TSCC	37	50	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
294.	Nguyễn Tiến	Lương	26/7/1989		Sơn La	294-TSCC	43	42,5	Không đạt	
295.	Nguyễn Thị	Lương		26/10/1990	Thái Nguyên	295-TSCC	40,25	40	Không đạt	
296.	Nguyễn Thị	Lương		08/02/1994	Vĩnh Phúc	296-TSCC	53,5	42,5	Không đạt	
297.	Lê Xuân	Lượng	05/12/1957		Quảng Ninh	297-TSCC	29,5	36,5	Không đạt	
298.	Trần Khánh	Lưu	07/6/1981		Nam Định	298-TSCC	51	55	Đạt	
299.	Lê Thị	Ly		23/01/1994	Hà Nội	299-TSCC	52	57,5	Đạt	
300.	Nguyễn Thị	Ly		12/02/1991	Hà Nội	300-TSCC	62	56	Đạt	
301.	Trần Thị	Ly		15/3/1992	Hải Dương	301-TSCC	55,5	53,5	Đạt	
302.	Ninh Khánh	Ly		03/11/1993	Hưng Yên	302-TSCC	50,5	52,5	Đạt	
303.	Nguyễn Thị	Lý		01/6/1993	Thanh Hóa	303-TSCC	66,5	60	Đạt	
304.	Hoàng Thị Quỳnh	Mai		21/02/1987	Hà Nội	304-TSCC	53,5	59,5	Đạt	
305.	Lê Thị Quỳnh	Mai		11/7/1988	Hòa Bình	305-TSCC	25	50	Không đạt	
306.	Trần Quỳnh	Mai		24/12/1990	Phú Thọ	306-TSCC	51,5	22,5	Không đạt	
307.	Ngô Thanh	Mai	02/9/1957		Thái Bình	307-TSCC				Bỏ thi
308.	Nguyễn Tiến	Mạnh	10/01/1986		Hà Nội	308-TSCC	51	55,5	Đạt	
309.	Văn Việt	Mạnh	21/02/1986		TT.Huế	309-TSCC	25	52	Không đạt	
310.	Tô Xuân	Mão	06/6/1981		Hà Nội	310-TSCC	33,5	41	Không đạt	
311.	Ngô Đức	Mậu	12/4/1987		Hà Nam	311-TSCC				Bỏ thi
312.	Đình Thúy	Miên		15/8/1991	Hà Nội	312-TSCC	50,5	55,75	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
313.	Lê Thị	Miền		20/11/1987	Quảng Ninh	313-TSCC	56	56,5	Đạt	
314.	Ngô Hoàng	Minh	03/4/1985		Hà Nam	314-TSCC	44	68,5	Không đạt	
315.	Phạm Công	Minh	27/10/1991		Hà Nội	315-TSCC	39,25	47	Không đạt	
316.	Lê Thị Nhật	Minh		31/12/1993	Hà Nội	316-TSCC	51,5	56,5	Đạt	
317.	Lê Thị Hồng	Minh		23/6/1993	Hà Nội	317-TSCC	51,5	46	Không đạt	
318.	Đình Quang	Minh	04/02/1993		Hà Nội	318-TSCC	29	45	Không đạt	
319.	Trần Ngọc	Minh	05/6/1959		Hải Dương	319-TSCC				Bỏ thi
320.	Cao Thị Trà	Mơ		05/9/1985	Hà Nội	320-TSCC	40,5	53,5	Không đạt	
321.	Đoàn Tiến	Nam	04/8/1976		Hà Nội	321-TSCC	28	25,5	Không đạt	
322.	Nguyễn Văn	Nam	05/8/1994		Hà Nội	322-TSCC	58	51	Đạt	
323.	Chu Hoàng	Nam	15/8/1983		Thái Nguyên	323-TSCC	39	40,5	Không đạt	
324.	Đường Văn	Năm	10/02/1990		Hà Nội	324-TSCC	52,5	55,5	Đạt	
325.	Trịnh Văn	Năm	06/02/1985		Thanh Hóa	325-TSCC	52	58,5	Đạt	
326.	Trần Mạnh	Ninh	29/5/1984		Bắc Giang	326-TSCC	50	51	Đạt	
327.	Lê Ngọc	Ninh	20/01/1983		Quảng Bình	327-TSCC	50	62,5	Đạt	
328.	Đậu Đình	Ninh	31/7/1988		Yên Bái	328-TSCC	36,5	50,5	Không đạt	
329.	Phan Ngọc	Núi	02/8/1957		Quảng Ninh	329-TSCC	25	52,5	Không đạt	
330.	Nguyễn Thị	Nga		12/3/1964	Hà Nội	330-TSCC	32	47,5	Không đạt	
331.	Lưu Thị	Nga		18/5/1965	Nam Định	331-TSCC	50	65	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
332.	Bùi Thanh	Ngà		27/9/1960	Hà Nội	332-TSCC	39,5	20,5	Không đạt	
333.	Ngô Thu	Ngà		07/02/1982	Lạng Sơn	333-TSCC	24	9,5	Không đạt	
334.	Nguyễn Thị	Ngân		03/7/1989	Hà Nội	334-TSCC	51	66,5	Đạt	
335.	Nguyễn Phuong	Thị Ngân		10/4/1988	Hà Nội	335-TSCC	54,5	63,25	Đạt	
336.	Lê Thị	Ngân		16/8/1992	Quảng Ninh	336-TSCC	52,5	65,5	Đạt	
337.	Nguyễn Bá	Ngọc	19/7/1965		Bắc Giang	337-TSCC	41,5	23	Không đạt	
338.	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		04/8/1983	Hà Nội	338-TSCC	50,5	53	Đạt	
339.	Nguyễn Minh	Ngọc	02/9/1964		Hà Nội	339-TSCC				Bỏ thi
340.	Ngô Minh	Ngọc	03/10/1989		Hải Phòng	340-TSCC	51	30	Không đạt	
341.	Hoàng Văn	Ngọc	06/12/1990		Quảng Ninh	341-TSCC	57	45,5	Không đạt	
342.	Đào Đức	Ngọc	10/8/1973		Thanh Hóa	342-TSCC				Bỏ thi
343.	Đỗ Trọng	Ngọc	13/6/1993		Yên Bái	343-TSCC	40	26,25	Không đạt	
344.	Đào Thị	Nguyệt		21/6/1991	Bắc Ninh	344-TSCC	59	51	Đạt	
345.	Phan Thị Ánh	Nguyệt		09/8/1992	Hà Nội	345-TSCC	53	38,5	Không đạt	
346.	Nguyễn Như	Nguyệt		23/01/1979	Hà Nội	346-TSCC	38	32	Không đạt	
347.	Trần Thị	Nhàn		20/10/1989	Hà Nội	347-TSCC	50,75	53	Đạt	
348.	Phạm Thị	Nhanh		30/11/1964	Hà Nội	348-TSCC	40	51	Không đạt	
349.	Hà Thị Hồng	Nhâm		05/4/1983	Hà Nam	349-TSCC	34	41,5	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
350.	Đoàn Văn	Nhân	01/01/1983		TT.Huế	350-TSCC	51	55	Đạt	
351.	Lê Thị	Nhị		08/11/1962	TT.Huế	351-TSCC	26	Bỏ thi	Không đạt	
352.	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		14/4/1979	Hà Nội	352-TSCC	38	52,5	Không đạt	
353.	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		07/7/1991	Hà Nội	353-TSCC	43	41	Không đạt	
354.	Ngọc Thị Tuyết	Nhung		07/7/1979	Hà Nội	354-TSCC	59	52,5	Đạt	
355.	Nguyễn Hồng	Nhung		15/8/1989	Nghệ An	355-TSCC	54	56,5	Đạt	
356.	Trần Thị Hồng	Nhung		25/10/1977	TT.Huế	356-TSCC	42,5	52,5	Không đạt	
357.	Nguyễn Văn	Phát	03/7/1991		Hà Nội	357-TSCC	60	41	Không đạt	
358.	Lê Tấn	Phong	10/10/1983		Quảng Trị	358-TSCC	36	36	Không đạt	
359.	Trần Mậu	Phúc	25/6/1988		Hà Nội	359-TSCC	39,5	35	Không đạt	
360.	Nguyễn Thị	Phương		15/9/1993	Bắc Ninh	360-TSCC	39	37,5	Không đạt	
361.	Lê Mai	Phương		24/02/1995	Hà Nội	361-TSCC	51	44,5	Không đạt	
362.	Nguyễn Thị	Phương		21/11/1994	Hải Dương	362-TSCC	31	52	Không đạt	
363.	Nguyễn Thế	Phương	11/02/1984		Nam Định	363-TSCC	55,5	51,5	Đạt	
364.	Vũ Thị	Phương		05/5/1980	Nghệ An	364-TSCC	50,5	57	Đạt	
365.	Dương Thị Minh	Phương		19/12/1981	Phú Thọ	365-TSCC	50	38,5	Không đạt	
366.	Phạm Bích	Phương		11/7/1992	Quảng Ninh	366-TSCC	52,5	60,5	Đạt	
367.	Chu Thị Xuân	Phương		07/12/1988	Vĩnh Phúc	367-TSCC	50,5	69	Đạt	
368.	Nguyễn Thị	Phượng		21/4/1984	Hà Nội	368-TSCC	43,5	58,5	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
369.	Nguyễn Thị	Phượng		29/11/1975	Hà Nội	369-TSCC	28	Bỏ thi	Không đạt	
370.	Vũ Thị	Phượng		24/11/1971	Hà Nội	370-TSCC	51,75	52,5	Đạt	
371.	Ninh Thị	Phượng		02/9/1991	Hải Dương	371-TSCC	39	31	Không đạt	
372.	Đỗ Thị Bích	Phượng		11/5/1988	Thái Nguyên	372-TSCC	50	53,5	Đạt	
373.	Nguyễn Văn	Quang	22/7/1980		Thái Nguyên	373-TSCC	34	52,5	Không đạt	
374.	Trương Đăng	Quang	14/3/1984		Thái Nguyên	374-TSCC	57	58,5	Đạt	
375.	Hà Công	Quảng	10/5/1987		Phú Thọ	375-TSCC	39,75	54	Không đạt	
376.	Phạm Bá	Quát	01/01/1982		Hà Tĩnh	376-TSCC	52	53,5	Đạt	
377.	Nguyễn Trọng	Quân	03/6/1987		Hà Nội	377-TSCC	51	61	Đạt	
378.	Phạm Hồng	Quân	03/9/1994		Hà Nội	378-TSCC	34	55	Không đạt	
379.	Hoàng Trọng	Quý	18/3/1991		TT.Huế	379-TSCC	50,5	52,5	Đạt	
380.	Nguyễn Thị Lệ	Quyên		30/3/1983	Lai Châu	380-TSCC	22	40	Không đạt	
381.	Phạm Thị Đỗ	Quyên		03/02/1991	Ninh Bình	381-TSCC				Bỏ thi
382.	Nguyễn Tiến	Quỳnh	05/5/1983		Hà Nam	382-TSCC	51,25	52,5	Đạt	
383.	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		18/01/1992	Hà Nội	383-TSCC	53	55	Đạt	
384.	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		02/4/1993	Hà Nội	384-TSCC	41	50	Không đạt	
385.	Trịnh Lê Ngọc	Quỳnh		27/11/1965	Hà Nội	385-TSCC	21	37,5	Không đạt	
386.	Lại Thúy	Quỳnh		18/4/1991	Hà Nội	386-TSCC	50	65	Đạt	
387.	Nguyễn Thị	Quỳnh		14/11/1995	Hà Nội	387-TSCC	45	35	Không đạt	



STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
388.	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	05/11/1969		Hà Tĩnh	388-TSCC	42	55	Không đạt	
389.	Đỗ Như	Quỳnh		19/6/1993	Thanh Hóa	389-TSCC	43	46	Không đạt	
390.	Lê Thị	Quỳnh		24/12/1995	Thanh Hóa	390-TSCC	44	35,5	Không đạt	
391.	Dương Văn	Sắc	02/10/1960		Bắc Giang	391-TSCC				Bỏ thi
392.	Bùi Thị	Sen		24/7/1977	Hải Dương	392-TSCC	54,5	56,5	Đạt	
393.	Lương Hồng	Sinh	04/6/1960		Hà Nội	393-TSCC	33	57,5	Không đạt	
394.	Lê Hồng	Sinh	22/11/1958		Quảng Trị	394-TSCC	34	59	Không đạt	
395.	Đặng Hữu	Son	01/12/1981		Hà Nội	395-TSCC	38,5	63	Không đạt	
396.	Bùi Ngọc	Son	25/01/1971		Hà Nội	396-TSCC	12,5	24	Không đạt	
397.	Nguyễn Văn	Son	12/12/1958		Hà Nội	397-TSCC	25	58,5	Không đạt	
398.	Lương Minh	Son	11/10/1971		Hà Nội	398-TSCC	43,5	28	Không đạt	
399.	Lê Thành	Son	25/5/1976		Hà Nội	399-TSCC	28	26,5	Không đạt	
400.	Nguyễn Thanh	Son	20/10/1957		Hòa Bình	400-TSCC	34,75	52	Không đạt	
401.	Đặng Thái	Son	20/01/1957		Thái Bình	401-TSCC				Bỏ thi
402.	Nguyễn Xuân	Son	09/3/1960		Thái Bình	402-TSCC				Hoãn thi
403.	Nguyễn Ngọc	Son	16/11/1968		Thái Bình	403-TSCC	27,5	22,5	Không đạt	
404.	Nguyễn Văn	Son	05/8/1959		Đồng Nai	404-TSCC	36,5	31,5	Không đạt	
405.	Nguyễn Văn	Tài	23/3/1982		Hà Nội	405-TSCC	39,5	38	Không đạt	
406.	Chu Văn	Tài	16/6/1993		Phú Thọ	406-TSCC	58	62,5	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
407.	Nguyễn Văn	Tảo	27/3/1958		Hải Dương	407-TSCC	10	33,5	Không đạt	
408.	Lê Thị Thanh	Tâm		10/12/1994	Hà Nội	408-TSCC	35,5	50	Không đạt	
409.	Phạm Thị	Tâm		04/11/1984	Hải Dương	409-TSCC	41,25	62,5	Không đạt	
410.	Nguyễn Thị	Tâm		28/02/1991	Thanh Hóa	410-TSCC	50	24	Không đạt	
411.	Trần Minh	Tân	16/12/1986		Hà Nam	411-TSCC	44	36,5	Không đạt	
412.	Nguyễn Minh	Tân	20/10/1975		Hà Nội	412-TSCC	18,5	40	Không đạt	
413.	Phạm Thị Lâm	Tân		19/5/1990	Quảng Bình	413-TSCC	51,5	57,5	Đạt	
414.	Nguyễn Văn	Tấn	30/5/1979		Thái Nguyên	414-TSCC	10	62,5	Không đạt	
415.	Bùi Thị Thủy	Tiên		29/01/1995	Hải Phòng	415-TSCC	59	36,5	Không đạt	
416.	Nguyễn Thị	Tiến		18/12/1966	Bắc Giang	416-TSCC	13	17,5	Không đạt	
417.	Hoàng Quang	Tiến	11/12/1978		Hà Nội	417-TSCC	16,5	19,5	Không đạt	
418.	Đỗ Hoàng Mai	Tiến	05/3/1982		Hà Nội	418-TSCC	10,5	07	Không đạt	
419.	Mai Thế	Tiến	05/5/1959		Thanh Hóa	419-TSCC	51	51	Đạt	
420.	Nguyễn Mạnh	Tiếp	14/9/1993		Hà Nội	420-TSCC	60,5	59,5	Đạt	
421.	Phạm Văn	Tổ	06/6/1958		Hải Dương	421-TSCC	19,5	27,25	Không đạt	
422.	Nguyễn Ngọc	Toàn	29/6/1975		Hà Nội	422-TSCC	40,5	52	Không đạt	
423.	Nguyễn Mạnh	Toàn	27/9/1971		Hải Phòng	423-TSCC	28,5	37,25	Không đạt	
424.	Hoàng Văn	Toàn	09/01/1990		Yên Bái	424-TSCC				Bỏ thi
425.	Nguyễn Thị	Toán		01/02/1991	Hà Nội	425-TSCC	38	17,5	Không đạt	



STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
426.	Nguyễn Anh	Tú	13/3/1983		Hà Nội	426-TSCC	27,5	34,5	Không đạt	
427.	Đỗ Xuân	Tuân	21/5/1974		Hà Nội	427-TSCC				Bỏ thi
428.	Trần Ngọc	Tuân	03/6/1984		Phú Thọ	428-TSCC	39	53	Không đạt	
429.	Lê Như	Tuân	01/01/1988		Thanh Hóa	429-TSCC	51,75	50	Đạt	
430.	Nguyễn Văn	Tuấn	06/9/1960		Bắc Giang	430-TSCC	9,5	6,5	Không đạt	
431.	Nguyễn Anh	Tuấn	02/6/1978		Bắc Giang	431-TSCC	32,5	61	Không đạt	
432.	Nguyễn Văn	Tuấn	07/01/1985		Hà Nam	432-TSCC	56,5	56,5	Đạt	
433.	Vũ Khắc	Tuấn	30/4/1991		Hà Nội	433-TSCC	53	52,25	Đạt	
434.	Nguyễn Thanh	Tuấn	20/10/1984		Hà Nội	434-TSCC				Bỏ thi
435.	Lê Khắc	Tuấn	09/10/1987		Hà Nội	435-TSCC	50,5	23	Không đạt	
436.	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/8/1980		Hải Phòng	436-TSCC	29	52,5	Không đạt	
437.	Hoàng Diệu	Tuấn	30/10/1972		Hòa Bình	437-TSCC	39	61	Không đạt	
438.	Vũ Huy	Tuấn	03/12/1993		Nam Định	438-TSCC	35,5	58,5	Không đạt	
439.	Hoàng Anh	Tuấn	03/02/1978		Quảng Bình	439-TSCC	50,5	40	Không đạt	
440.	Dương Xuân	Tuấn	07/11/1959		Thanh Hóa	440-TSCC	41,5	35	Không đạt	
441.	Nguyễn Đăng	Tuấn	28/8/1976		Thanh Hóa	441-TSCC	39	15,5	Không đạt	
442.	Nguyễn Văn	Tung	01/6/1958		Hà Nội	442-TSCC				Bỏ thi
443.	Lưu Việt	Tùng	08/02/1987		Hà Nội	443-TSCC	54,5	62,5	Đạt	
444.	Lương Thanh	Tùng	02/01/1983		Hà Nội	444-TSCC	54	60	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
445.	Vũ Mai	Tuyết		26/10/1991	Hà Nội	445-TSCC	53	40	Không đạt	
446.	Đỗ Thị Ngọc	Tuyết		02/01/1959	Hà Nội	446-TSCC	44,5	55	Không đạt	
447.	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		01/01/1982	Thanh Hóa	447-TSCC	67	54,5	Đạt	
448.	Trịnh Văn	Từ	03/8/1989		Hà Nội	448-TSCC	51	63,5	Đạt	
449.	Trịnh Thị	Tươi		08/3/1975	Thái Bình	449-TSCC	53	50,5	Đạt	
450.	Trần Thị	Thạch		26/02/1990	Hà Nội	450-TSCC	50,5	52	Đạt	
451.	Phạm Hồng	Thái		28/02/1984	Hà Nội	451-TSCC	54,5	42	Không đạt	
452.	Phan Thị	Thanh		23/9/1980	Hà Nội	452-TSCC	42	45,5	Không đạt	
453.	Lê Thị Phương	Thanh		28/10/1992	Hà Nội	453-TSCC	42	67	Không đạt	
454.	Hoàng Thị Kim	Thanh		12/02/1992	Hà Nội	454-TSCC	37	55,5	Không đạt	
455.	Nguyễn Tuyết	Thanh		04/5/1992	Hà Nội	455-TSCC	50,25	52	Đạt	
456.	Nguyễn Thị Huyền	Thanh		15/10/1990	Hà Nội	456-TSCC	50,5	39	Không đạt	
457.	Bùi Thị	Thanh		09/7/1964	Hải Phòng	457-TSCC	18,5	12,75	Không đạt	
458.	Hoàng Thị	Thanh		03/6/1991	Thanh Hóa	458-TSCC	57	30	Không đạt	
459.	Bạch Quang	Thành	15/6/1990		Hà Tĩnh	459-TSCC	51	66	Đạt	
460.	Hoàng Chí	Thành	26/8/1963		Thanh Hóa	460-TSCC	36,5	36,5	Không đạt	
461.	Nguyễn Văn	Thao	10/10/1981		Hà Nội	461-TSCC	51	52	Đạt	
462.	Nguyễn Thị	Thảo		10/02/1983	Bắc Ninh	462-TSCC				Hoãn thi
463.	Nguyễn Thanh	Thảo		29/8/1994	Hà Giang	463-TSCC	42	42	Không đạt	



STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
464.	Nguyễn Thị	Thảo		10/10/1973	Hà Nội	464-TSCC	39	53,5	Không đạt	
465.	La Thị	Thảo		07/3/1993	Hà Nội	465-TSCC	42,5	58,25	Không đạt	
466.	Tạ Thị Thu	Thảo		24/9/1995	Hà Nội	466-TSCC	43	55,25	Không đạt	
467.	Vũ Thị	Thảo		27/9/1991	Hà Nội	467-TSCC	42,75	62,5	Không đạt	
468.	Bùi Thị	Thảo		02/3/1994	Hà Nội	468-TSCC	40,5	52	Không đạt	
469.	Nguyễn Thị	Thảo		19/8/1988	Nghệ An	469-TSCC	43,5	51,75	Không đạt	
470.	Lê Thị Phương	Thảo		13/02/1995	Quảng Trị	470-TSCC	34	57	Không đạt	
471.	Nguyễn Thị Thu	Thảo		06/11/1994	Thái Nguyên	471-TSCC	52	51	Đạt	
472.	Lê Thanh	Thảo	07/7/1959		Thanh Hóa	472-TSCC	23,5	30,5	Không đạt	
473.	Trần Thị Hồng	Thắm		31/5/1983	Vĩnh Phúc	473-TSCC	36,5	52,5	Không đạt	
474.	Nguyễn Đăng	Thắng	17/6/1991		Hà Nội	474-TSCC	50	34	Không đạt	
475.	Lê Minh	Thi	26/01/1979		Thanh Hóa	475-TSCC	29	30	Không đạt	
476.	Mai Văn	Thìn	20/7/1987		Hà Nội	476-TSCC	42	41,5	Không đạt	
477.	Ngô Tiến	Thịnh	02/01/1990		Hà Nội	477-TSCC	38	58,5	Không đạt	
478.	Lê Thị	Thoan		06/6/1992	Nghệ An	478-TSCC	36,5	29	Không đạt	
479.	Nguyễn Thị	Thơ		14/4/1987	Hà Nội	479-TSCC	22	35,5	Không đạt	
480.	Trịnh Thị	Thơ		07/3/1989	Hà Nội	480-TSCC	64,25	54,5	Đạt	
481.	Hoàng Minh	Thờ	28/8/1957		Yên Bái	481-TSCC	10	20	Không đạt	
482.	Ngô Thị	Thơm		10/12/1959	Hải Dương	482-TSCC	16	39,5	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
483.	Phan Thị Hoài	Thu		02/8/1993	Hà Nội	483-TSCC	42,5	44,5	Không đạt	
484.	Nguyễn Thị	Thu		01/7/1980	Hải Dương	484-TSCC	50	38	Không đạt	
485.	Nguyễn Thị	Thu		08/01/1987	Hải Dương	485-TSCC	51	60,5	Đạt	
486.	Nguyễn Thành	Thu	09/10/1989		Thái Nguyên	486-TSCC	50	54	Đạt	
487.	Cao Văn	Thuận	09/01/1989		Bắc Ninh	487-TSCC	44,5	50	Không đạt	
488.	Nguyễn Văn	Thuận	16/02/1982		Thanh Hóa	488-TSCC	35,5	32,5	Không đạt	
489.	Nguyễn Thị	Thùy		30/10/1991	Bắc Ninh	489-TSCC	51	38,5	Không đạt	
490.	Nguyễn Thị	Thùy		07/3/1994	Hà Nội	490-TSCC	55,5	51	Đạt	
491.	Phạm Thị	Thùy		08/3/1993	Quảng Ninh	491-TSCC	56,5	54,5	Đạt	
492.	Nguyễn Thị	Thủy		13/4/1985	Hà Nội	492-TSCC	51,25	55,5	Đạt	
493.	Đình Thu	Thủy		05/02/1993	Hà Nội	493-TSCC	50	54	Đạt	
494.	Nguyễn Thị	Thủy		28/02/1985	Hà Nội	494-TSCC	46	53,5	Không đạt	
495.	Dương Trung	Thủy	17/8/1957		Hà Nội	495-TSCC	12,5	Bỏ thi	Không đạt	
496.	Nguyễn Thị Thu	Thủy		20/8/1978	Hà Nội	496-TSCC	28	54	Không đạt	
497.	Thân Thị Thanh	Thùy		27/12/1980	Hà Nội	497-TSCC	11,5	05	Không đạt	
498.	Lê Bích	Thủy		18/8/1986	Hà Nội	498-TSCC	38,5	31	Không đạt	
499.	Phạm Thị Thanh	Thủy		30/6/1969	Hà Nội	499-TSCC	14	52	Không đạt	
500.	Lê Thị Thanh	Thùy		20/3/1964	Hải Dương	500-TSCC	32,5	53,5	Không đạt	
501.	Đoàn Thị Thu	Thủy		03/12/1992	Hải Dương	501-TSCC	56,5	71,5	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
502.	Hà Thị Thu	Thủy		04/6/1991	Lạng Sơn	502-TSCC	25,5	61	Không đạt	
503.	Tổng Thị Thu	Thủy		08/11/1975	Quảng Ninh	503-TSCC	56,75	50,5	Đạt	
504.	Đình Thị Thanh	Thủy		11/3/1984	Thái Nguyên	504-TSCC	41,5	50,5	Không đạt	
505.	Trần Thị	Thúy		09/02/1987	Hải Dương	505-TSCC	50,5	38	Không đạt	
506.	Lê Thị Phương	Thúy		17/7/1984	Quảng Ninh	506-TSCC	52	24,5	Không đạt	
507.	Phạm Thị Phương	Thúy		12/12/1989	Quảng Ninh	507-TSCC	50,5	50	Đạt	
508.	Đỗ Thị	Thúy		17/8/1980	Thanh Hóa	508-TSCC	35	35,5	Không đạt	
509.	Nguyễn Minh	Thư		03/12/1995	TT.Huế	509-TSCC	52	39	Không đạt	
510.	Nguyễn Thị Hồng	Thương		18/02/1986	Nghệ An	510-TSCC	28,5	35	Không đạt	
511.	Lý Thị	Thường		24/7/1962	Yên Bái	511-TSCC	26,5	32,5	Không đạt	
512.	Nguyễn Thị	Thường		01/6/1984	Hà Nội	512-TSCC	25,5	38	Không đạt	
513.	Lê Thị	Trà		28/6/1991	Hà Nội	513-TSCC	57	32	Không đạt	
514.	Bạch Hương	Trà		26/11/1981	Hải Phòng	514-TSCC	52	23	Không đạt	
515.	Trần Thị	Trà		06/6/1963	Nghệ An	515-TSCC	33	24	Không đạt	
516.	Mai Huyền	Trang		14/12/1990	Bắc Kạn	516-TSCC	39,5	50	Không đạt	
517.	Nguyễn Thị	Trang		03/7/1994	Hà Nội	517-TSCC	45	55,5	Không đạt	
518.	Ninh Thị	Trang		20/9/1989	Hà Nội	518-TSCC	52	51	Đạt	
519.	Phan Thị Huyền	Trang		13/10/1994	Hà Nội	519-TSCC	30	29	Không đạt	
520.	Trần Thị Thu	Trang		15/8/1992	Hà Nội	520-TSCC	54	14,5	Không đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
521.	Đinh Thị Thu	Trang		10/10/1993	Hải Phòng	521-TSCC	53	50	Đạt	
522.	Trần Quỳnh	Trang		09/7/1987	Nam Định	522-TSCC	26	51	Không đạt	
523.	Nguyễn Thị Thảo	Trang		16/4/1994	Nghệ An	523-TSCC	57	50	Đạt	
524.	Trần Quang	Trang	23/01/1983		Quảng Bình	524-TSCC	53	82,5	Đạt	
525.	Hà Thu	Trang		09/10/1994	Quảng Ninh	525-TSCC	44	31	Không đạt	
526.	Hà Thị Thu	Trang		20/9/1990	Thái Nguyên	526-TSCC	61,5	58	Đạt	
527.	Lê Thị Huyền	Trang		17/8/1991	Tuyên Quang	527-TSCC	53	51	Đạt	
528.	Bùi Văn	Tri	06/7/1985		Nghệ An	528-TSCC	50,25	33	Không đạt	
529.	Hoàng Thị Mộng	Trinh		02/7/1992	Quảng Bình	529-TSCC	51,5	50	Đạt	
530.	Trương Xuân	Trịnh	20/10/1959		Hà Nội	530-TSCC	26	32,5	Không đạt	
531.	Nguyễn Đức	Trọng	20/8/1957		Hà Nội	531-TSCC	51	60	Đạt	
532.	Lê Đức	Trung	14/02/1989		Hà Nội	532-TSCC	52	60	Đạt	
533.	Nguyễn Hiếu	Trung	25/3/1976		Hà Nội	533-TSCC	30	35	Không đạt	
534.	Hà Mạnh	Trung	05/8/1991		Hà Nội	534-TSCC	63,5	55	Đạt	
535.	Nguyễn Duy	Trung	01/9/1992		Lai Châu	535-TSCC	31	52,5	Không đạt	
536.	Nguyễn Ngọc	Trường	01/10/1990		Hà Nội	536-TSCC	50,5	52,5	Đạt	
537.	Bùi Văn	Trường	04/8/1985		Thanh Hóa	537-TSCC	51,5	55	Đạt	
538.	Lê Trọng	Trường	11/01/1992		Hưng Yên	538-TSCC	42	52,5	Không đạt	
539.	Trần Thị	Uyên		20/3/1992	Hà Nội	539-TSCC	54	55	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
540.	Nguyễn Hoàng Phi	Uyển		10/8/1991	Nghệ An	540-TSCC	54,5	30	Không đạt	
541.	Phạm Thị	Vải		14/8/1962	Hà Nội	541-TSCC				Bỏ thi
542.	Phan Văn	Vang	03/7/1958		Thái Nguyên	542-TSCC	19	10	Không đạt	
543.	Vũ Hữu	Văn	20/01/1961		Hải Phòng	543-TSCC	30	43,25	Không đạt	
544.	Trần Minh	Văn	24/3/1979		Thanh Hóa	544-TSCC	39,5	51	Không đạt	
545.	Viên Thị	Vân		17/11/1962	Hà Giang	545-TSCC	27	46	Không đạt	
546.	Lê Thị Tường	Vân		08/5/1983	Hải Dương	546-TSCC	43	69,5	Không đạt	
547.	Nguyễn Thúy	Vân		26/6/1964	Hải Phòng	547-TSCC	50	57	Đạt	
548.	Nguyễn Kim	Vân		06/7/1961	Lạng Sơn	548-TSCC	53,5	63,5	Đạt	
549.	Nguyễn Thanh	Vân		16/8/1988	Nam Định	549-TSCC	35,5	78	Không đạt	
550.	Lê Thị Thúy	Vân		06/02/1991	Phú Thọ	550-TSCC	51	60	Đạt	
551.	Lưu Thị	Vân		13/4/1988	Thanh Hóa	551-TSCC				Bỏ thi
552.	Nguyễn Khắc	Viên	28/01/1959		Hải Phòng	552-TSCC	31	Bỏ thi	Không đạt	
553.	Lê Hải	Vinh	01/10/1993		Nghệ An	553-TSCC	50,5	69	Đạt	
554.	Nguyễn Quang	Vinh	26/4/1980		Vĩnh Phúc	554-TSCC	58,5	39,5	Không đạt	
555.	Đặng Thanh	Vũ	09/12/1992		Hà Nội	555-TSCC	42	52,5	Không đạt	
556.	Doãn Hoàng	Vũ	10/11/1989		Nam Định	556-TSCC	39	61,5	Không đạt	
557.	Nguyễn Tuấn	Vũ	19/4/1993		Nghệ An	557-TSCC	50,25	55,5	Đạt	
558.	Bùi Thị Hương	Xuân		31/01/1986	Hà Nội	558-TSCC	50	64,5	Đạt	

STT	Họ, tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
559.	Vũ Thị	Xuân		22/02/1987	Thái Nguyên	559-TSCC	43,75	55	Không đạt	
560.	Trần Thị Thanh	Xuân		30/12/1986	TT.Huế	560-TSCC	54,5	54,5	Đạt	
561.	Trần Thị	Yến		20/4/1988	Hà Nam	561-TSCC	57	55	Đạt	
562.	Nguyễn Thị Hải	Yến		12/10/1982	Hải Phòng	562-TSCC	53	37	Không đạt	
563.	Cao Thị Hải	Yến		19/6/1987	Hải Phòng	563-TSCC	41,25	50,5	Không đạt	

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA 